TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Lê Văn Tinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Võ Thị Điệp.**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Tấn Lợi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2019 của Tòa án huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Huỳnh Công Q**, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 013, tổ 2, ấp 4, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Luật sư **Võ Thị Băng G** – Là Luật sư của Văn phòng Luật sư Băng G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Bị đơn*: **Võ Thị Bích L**, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 013, tổ 2, ấp 4, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Huỳnh Công Q trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Q và chị L có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 30/12/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không còn hợp nhau, anh Q đi

làm ăn xa thì chị L lại thuê giang hồ để theo dõi anh, khi về nhà thì vợ chồng thường hay cãi nhau, chị L kiếm chuyện chữi mắn anh, tiền anh đi làm về thì chị L lấy hết. Anh chị sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân thì không ai có ý định hàn gắn tình cảm. Anh Q đã 02 lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị L tại Tòa án huyện Cao Lãnh, nhưng sau đó anh đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng vẫn không thành. Hiện tại vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị Bích L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Văn Tấn K, sinh ngày 24/5/2002 và Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 05/10/2008. Hiện 02 con chung đang sống với chị L.

Theo Đơn khởi kiện ngày 25/3/2019, khi ly hôn, anh Q đồng ý để 02 con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, vì thu nhập của anh không ổn định.

Nay, anh Q thay đổi yêu cầu khởi kiện: Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn Võ Thị Bích L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị L thống nhất với ý kiến trình bày của anh Q về thời gian chung sống và thời gian đăng ký kết hôn. Chị L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do anh Q có người phụ nữ khác bên ngoài, anh Q đi giao ếch thường xuyên đi sớm về muộn. Chị không có thuê giang hồ để theo dõi anh Q giống như anh Q trình bày. Từ tháng 6/2017 thì anh Q có đi đi về về. Đến tháng 02/2019 đến nay thì anh Q đi luôn không về nhà. Thời gian anh Q đi không về thì chị L có gọi điện thoại để hàn gắn tình cảm với anh Q, nhưng anh Q không đồng ý. Nhưng chị L không muốn các con không có cha và sợ ảnh hưởng đến tương lai của các con nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Q.

- Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của anh Q. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Võ Thị Băng G trình bày:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q. Bởi vì, tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị L đã không còn, anh Q đã 02 lần rút đơn khởi kiện xin ly hôn để vợ chồng hàn gắn nhưng vẫn không thành và thực tế anh chị đã sống ly thân. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Anh Q và chị L thống nhất có 02 con chung tên Huỳnh Văn Tấn K, sinh ngày 24/5/2002 và Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 05/10/2008. Hiện 02 con chung đang sống với chị L. Khi ly hôn, anh Q đồng ý cho chị L được tiếp tục nuôi 02 con chung. Đồng thời, theo Tờ tự khai và tại phiên tòa thì cháu K và cháu L đều thể hiện nguyện vọng được sống với mẹ là Võ Thị Bích L. Về cấp dưỡng nuôi con, tuy chị L không yêu cầu nhưng anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật hàng tháng mỗi con với số tiền bằng ½ tháng lương cơ sở. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh Q, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh Q và chị L đều thống nhất là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ chung: Anh Q và chị L đều thống nhất không có nợ nên Luật sư không tranh luận.

** Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án*:

1. 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Huỳnh Công Q (bản sao);

2. 01 (một) Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Huỳnh Công Q (bản sao);

3. 01 (một) Trích lục kết hôn (bản sao);

4. 01 (một) Trích lục khai sinh tên Huỳnh Văn Tấn K (bản sao);

5. 01 (một) Trích lục khai sinh tên Huỳnh Ngọc L (bản sao);

6. 01 (một) Tờ tự khai tên Huỳnh Văn Tấn K (bản chính);

7. 01 (một) Tờ tự khai tên Huỳnh Ngọc L (bản chính).

** Tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp cho Tòa án*:

1. 01 (một) Tờ tự khai ngày 15/5/2019 tên Võ Thị Bích L (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Huỳnh Công Q có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị Bích L và đồng ý cho chị L được tiếp tục nuôi 02 con chung. Chị L không đồng ý ly hôn và con muốn sống với ai thì người đó nuôi. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Chị Võ Thị Bích L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại ấp 4, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh Q và chị L có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cao Lãnh ngày 30/12/2010. Xét thấy, hôn nhân giữa Anh Q và chị L là hợp pháp. Anh Q cho rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, mặc dù anh đã 02 lần rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm với chị L. Do đó, anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không thể sống chung được nữa nên anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Đối với chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q có người phụ nữ khác bên ngoài và thường xuyên đi làm về muộn nên phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị đã sống ly thân. Do chị L sợ anh chị L hôn sẽ ảnh hưởng đến tương lai của các con sau này và không muốn các con không có cha nên chị L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Q.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa anh Q và chị L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Q yêu cầu ly hôn với chị L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Anh chị thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Văn Tấn K, sinh ngày 24/5/2002 và Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 05/10/2008. Hiện 02 con chung đang sống với chị L.

Khi ly hôn, anh Q đồng ý cho chị L được tiếp tục nuôi 02 con chung.

Đối với chị L, về con chung thì chị L trình bày nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đồng thời, theo Tờ tự khai ngày 27/5/2019 của cháu Huỳnh Ngọc L và Tờ tự khai ngày 21/6/2019 của cháu Huỳnh Văn Tấn K, và tại phiên tòa thì cả hai cháu đều thể hiện nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là chị Võ Thị Bích L.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho chị L được tiếp tục nuôi 02 con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tuy, chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi con mỗi tháng với số tiền bằng ½ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm tương ứng với thời gian thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2019 đến khi con chung Huỳnh Văn Tấn K và Huỳnh Ngọc L đủ 18 tuổi.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh Q, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh Huỳnh Công Q và chị Võ Thị Bích L có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Q được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Q và chị L thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về nợ chung: Anh Q và chị L thống nhất không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về án phí: Anh Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với đề nghị của Luật sư là có căn cứ và hợp pháp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Huỳnh Công Q ly hôn chị Võ Thị Bích L.

2. Về nuôi con chung: Chị Võ Thị Bích L được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Huỳnh Văn Tấn K, sinh ngày 24/5/2002 và Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 05/10/2008. Anh Huỳnh Công Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi con mỗi tháng với số tiền bằng ½ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm tương ứng với thời gian thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2019 đến khi con chung Huỳnh Văn Tấn K và Huỳnh Ngọc L đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Anh Q và chị L thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Q và chị L thống nhất không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về án phí: Anh Huỳnh Công Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh Huỳnh Công Q phải nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số BH/2017/0006506 ngày 02/4/2019 do chị Mai Kim S nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, anh Q còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS Huyện + Tỉnh;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi Cục THADS Huyện;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Tinh